

Số: 02/TB-UBND

Đắk Sao, ngày 10 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc công khai thực hiện thu, chi ngân sách quý IV năm 2025

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-UBND, ngày 24/07/2025 của UBND xã Đắk Sao về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn xã Đắk Sao.

Trên cơ sở số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước **quý IV năm 2025**, Ủy ban nhân dân xã công bố công khai số liệu thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước cụ thể như sau:

(Biểu mẫu chi tiết số 113, 114, 115 kèm theo)

Trên đây là thông báo về việc công khai thực hiện thu, chi ngân sách quý IV năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đắk Sao./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã (đăng bài);
- Lưu: VT, PKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Dương Thành Long



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

(Kèm theo thông báo số 02/TB-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Đắk Sao)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2025	SỐ SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.683,1	68.774,8	1.210
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	41,0	15,1	37
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)			
3	Thu bổ sung	5.642,1	66.876,0	1.185
	- Thu bổ sung cân đối	48.462,0	26.884,6	55
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.642,0	39.991,4	2.436
4	Thu chuyển nguồn		1.883,7	
5	Thu kết dư		0,1	
II	TỔNG SỐ CHI	48.503,0	42.884,7	88
1	Chi đầu tư phát triển			#DIV/0!
2	Chi thường xuyên	48.503,0	42.884,7	88,4
3	Chi nộp ngân sách cấp trên		-	

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

(Kèm theo thông báo số 02/TB-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Đắk Sao)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		THỰC HIỆN QUÝ III		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	50.145	50.145	68.784,7	68.774,8	137	137
I	Các khoản thu 100%	41	41	14,4	14,4	35	35
	Phí, lệ phí	41	41	14,4	14,4	35	35
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				-		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp				-		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				-		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định				-		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định				-		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân				-		
	Thu khác						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	-	-	10,6	0,7	#DIV/0!	#DIV/0!
	Thuế giá trị gia tăng					#DIV/0!	
	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	Thuế tài nguyên						
	Lệ phí trước bạ			10,6	0,7	#DIV/0!	#DIV/0!
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
	Thuế thu nhập cá nhân					#DIV/0!	
	Thu phí và lệ phí					#DIV/0!	
	Thu tiền sử dụng đất					#DIV/0!	#DIV/0!
	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước					#DIV/0!	
	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản					#DIV/0!	
	Thu khác			0,0		#DIV/0!	
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			1.883,7	1.883,7		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			0,1	0,1		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	50.104	50.104	66.876,0	66.876,0	133	133
	- Thu bổ sung cân đối	48.462	48.462	26.884,6	26.884,6	55	55
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.642	1.642	39.991,4	39.991,4	2.436	2.436
VIII	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên						



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

(Kèm theo thông báo số 02/TB-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Đăk Sao)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2025			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6		8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	48.503	-	48.503	61.524,8	18.640,1	42.884,7	127	#DIV/0!	88
	Trong đó	-								
1	Chi giáo dục-đào tạo	22.150		22.150	15.488,8	23,5	15.465,3	70		70
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			-					
3	Chi y tế	3		3	84,2		84,2			
4	Chi văn hóa, thông tin	163		163	29,1	1,3	27,8	18		17
5	Chi phát thanh, truyền thanh	11		11	-			-		-
6	Chi thể dục thể thao	30		30	108,4		108,4	361		361
7	Chi bảo vệ môi trường	558		558	48,4		48,4	9		9
8	Chi các hoạt động kinh tế	1.242		1.242	21.858,0	17.910,2	3.947,8	1.759	#DIV/0!	318
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	20.138		20.138	19.508,5	639,6	18.868,9	97		94
10	Chi cho đảm bảo xã hội	2.328		2.328	2.443,0		2.443,0	105		105
11	Chi Quốc phòng - An ninh	909		909	1.956,3	65,5	1.890,8	215		208
12	Chi khác	-			-			#DIV/0!		#DIV/0!
13	Dự phòng ngân sách	970		970	-			-		-
14	Chi nộp ngân sách cấp trên				-					